TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 29-01-2021
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Minh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Hữu Minh.

Ông Trần Trọng Pháp.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hồng - Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 904/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST- HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: B8/K80, Ấp L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

***- Bị đơn*:** Ông Lê Văn T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Bà N và ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 15/7/2020 và các lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:

Bà và ông Lê Văn T chung sống với nhau vào năm 2013, đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 14 tháng 01 năm 2015. Việc kết

hôn do bà và ông T đều tự nguyện. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn T. Nguyên nhân bà N yêu cầu ly hôn là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, ông T không có việc làm nên không lo được cho gia đình. Bà và ông T đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay.

Về con chung: Bà N khai bà và ông T có 02 người con chung tên là Lê Văn Nhật H, sinh ngày 09/12/2014 và Lê Thị Thiên K, sinh ngày 06/3/2017. Nếu ly hôn, bà N xin được nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà N đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt nên không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Lê Văn T không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N; Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lê Văn Nhật H, sinh ngày 09/12/2014 và Lê Thị Thiên K, sinh ngày 06/3/2017 cho bà N nuôi dưỡng. Bà N nuôi con không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lê Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên Tòa và giấy triệu tập nhưng ông T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn bà N và bị đơn ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N và ông Lê Văn T xây dựng gia đình với nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 14 tháng 01 năm 2015 nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập cho ông T biết để đến Tòa làm việc nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do, do đó không có lời khai của ông T tại hồ sơ.

Bà N khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông T với lý do vợ chồng chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm và ông T không có việc làm nên không lo được cho gia đình, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2018 đến nay không bàn bạc đoàn tụ được. Do đó, xác định bà N và ông T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N, xử cho bà N được ly hôn ông T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà N và ông T có 02 người con chung tên là Lê Văn Nhật H, sinh ngày 09/12/2014 và Lê Thị Thiên K, sinh ngày 06/3/2017. Bà N có nguyện vọng được nuôi 02 người con chung. Xét thời gian qua bà N nuôi con tốt, ông T không có ý kiến phản ánh hay yêu cầu gì đối với việc nuôi 02 con chung của bà N tại địa phương cũng như tại Tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao 02 con chung là cháu H và K cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà N nuôi con không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 174, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của bà Lê Thị N đối với ông Lê Văn T.

Xử cho bà Lê Thị N được ly hôn với ông Lê Văn T.

Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên là Lê Văn Nhật H, sinh ngày 09/12/2014 và Lê Thị Thiên K, sinh ngày 06/3/2017 cho bà Lê Thị N nuôi dưỡng. Tạm thời ông Lê Văn T không cấp dưỡng nuôi con.

Ông T được quyền đến thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Bà Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004949 ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Bà N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bà N và ông T được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND huyện Long Thành (1);
- Chi cục THADS huyện Long Thành (1);
- UBND xã T (GCNKH số 15 ngày 14/01/2015) (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Minh Thảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên Tòa.**

Hoàng Hữu Minh - Trần Trọng Pháp **Bùi Thị Minh Thảo**